

JOURNAL OF EDUCATION  
JOURNAL OF EDUCATIONAL SCIENCE - MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

# TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC \* BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số **408**

(Kì 2 - 6/2017)



ISSN 2354-0753

# TẠP CHÍ GIÁO DỤC

JOURNAL OF EDUCATION

ISSN 2354-0753

Năm thứ mười bảy  
Ra ngày 5 và 20 hàng tháng

408

(Kì 2 - 6/2017)

## Tổng biên tập:

LÊ THANH OAI

## Hội đồng biên tập:

ĐINH QUANG BẢO  
PHẠM TẮT DONG  
ĐỖ TIẾN ĐẠT  
HOÀNG NGỌC HÀ  
PHẠM MINH HẠC  
NGUYỄN THANH HÙNG  
ĐÀO THÁI LAI  
NGUYỄN VĂN LÊ  
BÀNH TIẾN LONG  
NGUYỄN THỊ MỸ LỘC  
TRẦN VĂN NHUNG  
NGUYỄN QUANG NINH  
PHẠM HỒNG QUANG  
THÁI VĂN THÀNH  
TÔ BÁ TRƯƠNG  
THÁI DUY TUYÊN

## Trụ sở:

4 Trịnh Hoài Đức - Hà Nội  
Fax: (04) 37345363  
<https://tapchigiaoduc.moet.edu.vn>  
Email: tapchigiaoduc@moet.edu.vn  
Ban Biên tập: (04) 37343571  
Email: banbientap@moet.edu.vn  
Ban Thư kí tòa soạn: (04) 37345663  
Email: banthuki@moet.edu.vn  
Ban Trị sự: (04) 37345363  
Email: bantrisu@moet.edu.vn

## Tài khoản:

102010000026240 Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh TP. Hà Nội; 1400201033693 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Láng Hạ - Hà Nội.

## Trình bày:

QUANG LINH - HOÀNG MAI

## Giấy phép xuất bản:

Số 294/GP-BTTTT, ngày 17/05/2016

## In tại:

Công ty Cổ phần In Công Đoàn Việt Nam  
167 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Giá: 25.000đ

## Mục lục - Contents

### DIỄN ĐÀN ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thái Văn Thành: Quy trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên đại học và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Improving competence for teaching staff at pedagogical universities to meet requirements of fundamental and comprehensive education reform. 1

### QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Phạm Thị Huyền: Một số giải pháp tiếp cận trong phát triển chương trình giáo dục nhà trường mầm non. Some approaches for developing preschool curriculum. 5

Phạm Thị Như Phong: Các yếu tố ảnh hưởng đến đảm bảo chất lượng giáo dục trung học phổ thông. Factors affecting education quality assurance at high school. 7

Nguyễn Văn Ngọc: Tổng quan nghiên cứu quản lí hoạt động dạy học môn Toán bằng tiếng Anh ở trường trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Overview of management of teaching Mathematics in English towards learner's competence development at high school. 10

Nguyễn Thị Mai: Giải pháp tăng cường giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh các trường dân tộc nội trú ở nước ta hiện nay. Solutions to improve communicative skills and cultural behaviours for students at ethnic boarding schools in our country today. 13

Huỳnh Thanh Ngân: Phát triển nghề nghiệp đội ngũ giảng viên trường cao đẳng kinh tế - kĩ thuật theo tiếp cận năng lực. Improving professional competence for teaching staff towards competence approach at Ho Chi Minh city of Technical and Economic College. 17

Nguyễn Đức Thạch: Biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lí giáo dục học viên tại Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân I. Measures to improve quality of learning management at People's Police College I. 20

Nguyễn Văn Toàn: Quản lí hoạt động đào tạo giáo viên Giáo dục quốc phòng và An ninh ở các trường đại học sư phạm theo tiếp cận Quản lí chất lượng tổng thể (TQM). Management of training teachers of National defense education at pedagogical universities under Total Quality Management (TQM). 22

Nguyễn Thị Ngọc Xuân: Khung tiêu chuẩn đánh giá văn hóa chất lượng trường đại học theo tiếp cận giá trị. Framework for evaluating quality of universities under value approach. 26

Nguyễn Khắc Tuệ: Đào tạo và đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng. Training and training quality assurance at universities. 29

### LÍ LUẬN GIÁO DỤC - DẠY HỌC

Nguyễn Xuân Trường: Giá trị của ẩn dụ trong dạy học. The cognitive value of metaphor in teaching. 35

Lê Xuân Trường: Một số biện pháp bồi dưỡng cho sinh viên sư phạm năng lực vận dụng lí thuyết hoạt động trong dạy học môn Toán ở trường phổ thông. Some measures to enhance competence of applying activity theory to teaching mathematics at high school for pedagogical students. 38

Nguyễn Chiến Thắng - Hoàng Lê Minh - Đào Quốc Dũng: Xây dựng môi trường học tập rèn luyện kĩ năng suy luận thống kê cho học sinh. Building a learning environment to train the skills of statistical reasoning for students. 41

Mai Văn Hưng - Nguyễn Thị Thu Hằng - Nguyễn Thị Thàn: Tích hợp giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trung học thông qua sinh hoạt câu lạc bộ Hóa học. Integrating life skills education for students at high school through activities of chemistry club. 46

Ninh Thị Bạch Diệp: Sử dụng bài tập kết hợp thí nghiệm để tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ trong dạy học Sinh học 6. Combining exercises and experiments to organise small groups in teaching Biology grade 6. 51

### THỰC TIỄN GIÁO DỤC

Nguyễn Thị Quỳnh Anh: Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kĩ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi chậm phát triển ngôn ngữ. Factors affecting development of communicative skills of preschoolers with language development delays aged 5 to 6. 55

### Ý KIẾN TRAO ĐỔI

Thái Duy Tuyên: Tìm hiểu mô hình nhân cách mà "Chương trình giáo dục phổ thông mới" cần đào tạo. Studying personality model proposed by "new general education curriculum" in our country. 61

# CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI CHẬM PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH\*

Ngày nhận bài: 10/04/2017; ngày sửa chữa: 16/05/2017; ngày duyệt đăng: 16/05/2017.

**Abstract:** Education for children with development delays is much more difficult than for normal children because this requires not only to understand psycho-physiological characteristics of children but also to define factors affecting those characteristics. This article analyses factors affecting development of communicative skills of preschoolers with language development delays aged 5 to 6. This analysis can be seen as a foundation for preschool leaders to find out solutions to combine roles of school, families and teachers in improving communicative skills for children with language development delays.

**Keywords:** Factors, communicative skills, children with language development delays.

## 1. Đặt vấn đề

Giao tiếp là một trong những con đường cơ bản để hình thành và phát triển nhân cách, là điều kiện để con người tiến hành hoạt động sống trong xã hội. Thông qua giao tiếp, mỗi người gia nhập vào các mối quan hệ xã hội để hình thành nên bản chất người, lĩnh hội nền văn hóa xã hội tạo thành tâm lí, ý thức, nhân cách.

Trẻ mầm non đang trong giai đoạn nhận thức và lĩnh hội các kinh nghiệm xã hội từ thế giới xung quanh và phát triển nhân cách, vì thế giao tiếp như chìa khóa giúp trẻ mở rộng cánh cửa với thế giới bên ngoài rộng lớn, đặc biệt kĩ năng giao tiếp (KNGT) sẽ giúp trẻ kiểm soát được quá trình giao tiếp và giao tiếp có hiệu quả. Mặc dù, nhu cầu giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi rất lớn nhưng KNGT của trẻ - đặc biệt đối với những trẻ chậm phát triển ngôn ngữ (CPTNN) thì còn rất nhiều hạn chế.

Ngoài việc nắm vững đặc điểm tâm sinh lí của trẻ nói chung, trẻ CPTNN nói riêng, nhà giáo dục cần hiểu rõ những yếu tố ảnh hưởng đến KNGT của trẻ, từ đó nghiên cứu tìm ra các biện pháp để giáo dục phát triển các KNGT cho trẻ nói chung, trẻ CPTNN nói riêng một cách hiệu quả nhất.

## 2. KNGT của trẻ 5-6 tuổi CPTNN

### 2.1. Khái niệm

KNGT là hành động hoặc chuỗi hành động của chủ thể được thực hiện một cách thuần thục, có tính kĩ thuật, tự giác các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ dựa trên vốn hiểu biết, vốn kinh nghiệm của cá nhân để tác động đến đối tượng, điều khiển bản thân và tổ chức tốt quá trình giao tiếp nhằm đạt mục đích giao tiếp của các chủ thể giao tiếp.

KNGT có hai cấp độ cấu trúc: + Cấp độ tri thức: chủ thể hành động giao tiếp trên cơ sở những hiểu biết nhất định, chủ thể có ý thức vận dụng những tri thức, hiểu biết vào hoàn cảnh thực tiễn, ý thức thường trực chỉ đạo hành động, biết rõ mình cần phải làm gì, nói gì, nói như thế nào, vì sao...; + Cấp độ thao tác

hành động: khả năng thực hiện những hành động giao tiếp một cách có ý thức, tiến hành các thao tác, các hành động phù hợp với điều kiện giao tiếp.

Do vậy, KNGT phát triển khi và chỉ khi trẻ có năng lực nội tại cùng các điều kiện môi trường giáo dục và môi trường trải nghiệm cho các năng lực của trẻ được luyện tập thường xuyên.

### 2.2. Hạn chế đặc trưng trong KNGT của trẻ CPTNN

Nhà thần kinh học Steven Pinker cho rằng, có những trường hợp CPTNN khi được kết hợp với năng lực đặc biệt thiên bẩm ở một số cá nhân, cũng có thể phát triển thành thiên tài, chẳng hạn như Albert Einstein, Richard Feynman và Edward Teller... Tuy nhiên, đó là những trường hợp điển hình cá biệt, trong khi những trẻ khác thì không. CPTNN là một yếu tố có nguy cơ cao đối với chậm phát triển nói chung, bao gồm chậm trễ về mặt xã hội, tình cảm và nhận thức.

Đối với trẻ mẫu giáo, do ngôn ngữ chậm trễ nên KNGT có những hạn chế nhất định. Hạn chế đặc trưng biểu hiện rõ nhất là ở kĩ năng (KN) nghe hiểu và KN biểu đạt. Đây là hai KN cần thiết để giao tiếp hiệu quả, bởi nghe hiểu là nói đến khả năng đón nhận và hiểu những thông điệp mà đối tượng giao tiếp muốn nói, còn ngôn ngữ diễn đạt để cập đến việc gửi thông điệp cho những người khác hiểu qua việc sử dụng các từ và câu.

- **Sự hạn chế trong nghe hiểu.** Nghe hiểu là KN thiết yếu và vô cùng quan trọng cho sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Tuy nhiên, từ quan sát trực tiếp và kết quả nghiên cứu cho thấy, trẻ CPTNN KN nghe hiểu còn rất yếu, trẻ khó có khả năng để làm theo hướng dẫn của người khác. Trong quá trình xử lí thông tin, mặc dù trẻ vẫn có thể hiểu và làm theo một số mệnh lệnh đơn giản nhưng đối với câu dài, câu có 2-3 mệnh lệnh thì trẻ phản ứng rất chậm, phải nhắc lại

\* Trường Đại học Vinh

vài lần thì trẻ mới có thể làm theo... Ngoài ra, tư duy ngôn ngữ của trẻ cũng có khó khăn, trẻ chỉ hiểu ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng mà ít hiểu những từ khó, từ chỉ khái quát, những cách nói ẩn dụ, ví von, bóng gió.... Trong các tình huống giao tiếp đòi hỏi phải tư duy, phán đoán, suy luận trẻ CPTNN chưa làm tốt. Vốn từ của trẻ CPTNN ít, đơn điệu, thường sai cấu trúc ngữ pháp... cũng là nguyên nhân khiến trẻ gặp khó khăn khi nghe hiểu câu phức tạp, câu chứa nhiều thông tin, nội dung giao tiếp mới, xa lạ hoặc đối tượng giao tiếp nói quá nhanh, dùng nhiều từ khó. Hầu hết những trẻ CPTNN gặp khó khăn trong việc nghe hiểu đều ảnh hưởng trực tiếp đến KN diễn đạt ngôn ngữ và sự phát triển nhận thức của trẻ.

- *Sự hạn chế trong biểu đạt.* Đối với đa số trẻ mẫu giáo lớn CPTNN, KN biểu đạt cũng là hạn chế đặc trưng, thể hiện rất đa dạng. Các mốc phát triển ngôn ngữ ở KN biểu đạt đều chậm hơn so với trẻ bình thường ít nhất một năm. Trẻ CPTNN thường gặp khó khăn khi trình bày những hiểu biết, suy nghĩ, cảm xúc, nhu cầu, mong muốn của mình. Trẻ mới chỉ diễn đạt câu ngắn, cấu trúc câu còn lộn xộn, từ ngữ rời rạc... Một số trẻ nói được nhưng vốn từ nghèo nên khó diễn đạt rõ ý trong câu, nội dung nói không phù hợp với ngữ cảnh, câu thiếu các thành phần ngữ pháp, thường nói ngược và thiếu các quan hệ từ... Đây là hiện tượng phổ biến trong ngôn ngữ của trẻ CPTNN, thậm chí ít khi trẻ sử dụng câu có cấu trúc tăng bậc.

Một số trẻ gặp khó khăn trong phát âm, trong đó bao gồm không phát âm được từ khó, phát âm không chính xác một số âm nhất định, hoặc có trẻ tốc độ nói rất nhanh nhưng không rõ lời, nội dung nghèo nàn, không phong phú, lặp từ... Trẻ gặp khó khăn trong khi diễn đạt, thường rụt rè, thiếu tự tin, không chủ động trong giao tiếp. Nhiều trẻ gặp khó khăn trong ngôn ngữ biểu cảm, ít thể hiện ra bên ngoài những hành vi phi ngôn ngữ. Thông qua sự dạy bảo của người lớn và cách ứng xử của mọi người, trẻ CPTNN bước đầu nhận biết được các chuẩn mực cơ bản, có thể thực hiện được những biểu hiện đơn giản của việc gây thiện cảm trong giao tiếp như tươi cười, chào hỏi, lễ phép với người lớn, không nói to... Tuy nhiên, trẻ ít nhận biết được các "giới hạn ngầm" từ phía người đối thoại (những điều không nên, được phép, không được phép...) để điều chỉnh hành vi của mình. Trẻ 5-6 tuổi CPTNN khó có thể nhận biết thái độ của người giao tiếp cùng mình, khó nhận biết về ý đồ của đối tác, ít có thể hiểu ý người khác qua ánh mắt nhìn, qua một vài động tác cơ thể, vì vậy chưa có những định hướng cho pha giao tiếp của mình.

Ngoài những hạn chế về KN nghe hiểu, KN biểu đạt, trẻ CPTNN còn có những hạn chế về KN tập trung chú ý, KN tương tác... Trẻ CPTNN vẫn thích nói nhưng lại không chú ý nhiều vào cuộc hội thoại, trẻ có vẻ lơ đãng khi trò chuyện. Khi giao tiếp với người xung quanh, tần suất giao tiếp bằng mắt giữa trẻ với đối

tượng giao tiếp không nhiều, ít tập trung chú ý vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp, do đó, trẻ khó có khả năng làm theo hướng dẫn.

Tùy từng trường hợp cụ thể mà dấu hiệu, biểu hiện hạn chế về KNGT của từng trẻ khác nhau. Vì vậy, trong quá trình chăm sóc - giáo dục (CS-GD) trẻ, người lớn cần chú ý quan sát ngôn ngữ trẻ qua các giai đoạn phát triển, so sánh trình độ phát triển riêng của từng bé 5-6 tuổi so với trình độ phát triển chung của cả độ tuổi để biết sự phát triển của trẻ nhanh hay chậm, từ đó tìm biện pháp giáo dục phù hợp.

### **3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển KNGT của trẻ 5-6 tuổi CPTNN**

**3.1. Nhận thức đúng nguyên nhân của trẻ CPTNN.** Để có thể xây dựng kế hoạch giáo dục, phát triển KNGT cho trẻ CPTNN, việc đầu tiên các nhà giáo dục phải nhận thức được đúng nguyên nhân CPTNN của trẻ. Xác định trẻ chậm do yếu tố sinh học (khiếm khuyết về não bộ, bộ máy phát âm, tai nghe...); do bệnh lí (những trẻ có bệnh lí tổn thương não, tự kỉ, hay bệnh nặng...); do yếu tố tâm lí (sự phát triển các quá trình tâm lí, sự tập trung chú ý, mức độ hứng thú, tính tích cực cá nhân, mức độ tự tin của đứa trẻ...); hay do môi trường sống, môi trường giao tiếp (trẻ sinh đôi, sinh dày, không được quan tâm môi trường song ngữ hoặc đa ngôn ngữ)...

Sau khi xác định được nguyên nhân, đánh giá các KNGT hiện tại của trẻ, trẻ đã có KN gì, KN nào phát triển bình thường, KN nào kém... hay nói cách khác là phải tìm hiểu được tình trạng ban đầu của trẻ ở dạng nào, mức độ chậm ra sao, trên cơ sở đó để lựa chọn biện pháp tác động, giáo dục phù hợp. Biết về tình trạng ban đầu có nghĩa không chỉ biết về những gì trẻ có khả năng làm hay những gì trẻ không có khả năng làm mà còn phải có những thông tin về tiềm năng của trẻ, những đặc điểm riêng biệt của trẻ CPTNN, điều kiện CS-GD... để có thể hình thành các chỉ dẫn cho giáo viên (GV), cha mẹ trong phương pháp làm việc. Vì vậy, việc nhận thức đúng nguyên nhân của trẻ CPTNN, biết được những biểu hiện, đặc điểm đặc trưng của trẻ CPTNN sẽ có những biện pháp tác động phù hợp, đem lại hiệu quả cao nhất.

**3.2. Thiết lập môi trường quan hệ giữa gia đình với GV mầm non để cùng phối hợp tác động.** Gia đình là môi trường giáo dục đặc biệt ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển của trẻ, là nơi hình thành và phát triển những hành vi, KN đầu tiên của trẻ. KNGT của trẻ cũng bắt đầu hình thành và phát triển từ môi trường này.

Các thành viên trong gia đình là những người trực tiếp CS-GD trẻ, họ là những người gần gũi và hiểu trẻ nhất. Họ là những người quan tâm và mong đợi sự phát triển của con, cháu mình nhiều nhất, trong đó phát triển ngôn ngữ, phát triển KNGT là một trong những đầu mối phát triển được mọi người chú ý nhất. Do đó, mỗi khi trẻ gặp khó khăn về ngôn ngữ, các thành viên

trong gia đình sẽ cùng nhau hỗ trợ, giúp đỡ trẻ phát triển, tiến bộ một cách tốt nhất. Mặt khác, sống trong môi trường gia đình, trong tình yêu thương của mọi người thân, trẻ luôn cảm giác an toàn, luôn có nhu cầu thể hiện tình yêu thương đối với họ thể hiện qua ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể. Vì vậy, đây là điều kiện hết sức thuận lợi để trẻ bộc lộ các KNGT, còn các thành viên trong gia đình có điều kiện để rèn KNGT cho trẻ, hoặc có biện pháp điều chỉnh, uốn nắn kịp thời khi trẻ thể hiện chưa tốt, chưa có KN, chưa chủ động tích cực trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.

Gia đình luôn quan tâm đến sự phát triển của trẻ sẽ luôn chủ động gặp gỡ GV, hợp tác chặt chẽ thường xuyên để nắm bắt thông tin về sự tiến bộ của trẻ, chia sẻ kinh nghiệm CS-GD nói chung, phát triển KNGT cho trẻ nói riêng, đồng thời cung cấp thông tin những biểu hiện sự tiến bộ hay đặc điểm riêng của trẻ ở gia đình. Từ đó, GV và phụ huynh cùng phối hợp tìm ra cách thức tác động, các biện pháp giúp đỡ, hỗ trợ trẻ tốt hơn và đem lại hiệu quả giáo dục cao nhất.

Sau môi trường gia đình, trẻ hòa mình vào môi trường giáo dục nhà trường, ở môi trường này trẻ sẽ tiếp tục được các GV giáo dục, tác động và trẻ được học hỏi các mẫu hành vi, ngôn ngữ, học cách giao tiếp ứng xử phù hợp chuẩn mực, đồng thời giúp trẻ tránh xa các tệ nạn xã hội, tránh xa điều xấu, xây dựng tâm hồn trong sáng, lành mạnh cho trẻ. Tất cả những thành viên trong gia đình và các GV đều có ý thức trong việc giáo dục hình thành nhân cách phát triển tốt đẹp cho trẻ đồng thời nỗ lực kích thích trẻ hình thành và phát triển các KN nói chung và KNGT nói riêng.

Khi các nhà chuyên môn, GV mầm non có mối quan hệ mật thiết cùng cha mẹ sẽ đem lại những hiệu quả to lớn trong việc phát triển KNGT cho trẻ CPTNN. Nhờ sự phối hợp giữa GV, cha mẹ và các lực lượng khác tham gia vào việc phát triển KNGT cho trẻ CPTNN là yếu tố quan trọng tạo nên sự thành công của hoạt động này. Hơn nữa, đây cũng là cách thức để GV có thể cộng tác tối đa được với cha mẹ và các nhà chuyên khác nhằm hỗ trợ, chia sẻ cho công tác chuyên môn của mình.

**3.3. Chương trình hỗ trợ trẻ tích cực.** Ở độ tuổi mầm non, trẻ thường phát triển liên tục với tốc độ nhanh chóng nhưng một số trẻ lại xuất hiện những dấu hiệu chậm phát triển so với các trẻ khác do nhiều nguyên nhân khác nhau. Tuy nhiên, nếu được phát hiện sớm, xác định đúng và có chương trình hỗ trợ tích cực, phù hợp ngay từ lứa tuổi này sẽ góp phần tạo điều kiện cho trẻ phục hồi, hòa nhập và phát triển, giúp cho những trẻ đó có cơ hội để phát triển hết khả năng của mình.

Cần thiết sớm với các chương trình hỗ trợ tích cực cho trẻ CPTNN có thể ngăn ngừa những nhân tố tiêu cực tới đứa trẻ hay những nguyên nhân dẫn đến sự CPTNN hoặc rối loạn chức năng ngôn ngữ. Điều này có thể đạt được bằng cách giúp cho trẻ có được sự

kích thích và tác động qua lại một cách đúng đắn với môi trường xung quanh ở ngay giai đoạn đầu của sự phát triển của trẻ.

Trên cơ sở đặc điểm nhu cầu giao tiếp, các hạn chế đặc trưng trong KNGT của trẻ CPTNN và điều kiện CS-GD của gia đình trẻ, cần xác định chương trình hỗ trợ phát triển KNGT cho trẻ hướng vào những nội dung sau đây:

- *Tăng cường độ nhanh nhạy thính giác, phát triển KN nghe.* Do ảnh hưởng của tiếp nhận ngôn ngữ qua thính giác không rõ ràng nên sự phát triển lời nói và ngôn ngữ của trẻ gặp những khó khăn nhất định. Để chất lượng ngôn ngữ của trẻ phát triển tốt, trẻ phải có khả năng nghe và biết tập trung chú ý nghe. Việc tập trung chú ý sẽ làm cho trí giác âm thanh của trẻ được tinh tế, chính xác, giúp cho trẻ cảm nhận được âm thanh của chính mình và điều chỉnh giọng nói cho hợp lí. Vì vậy, cần thiết KNGT cho trẻ CPTNN cần phải tác động đến thính giác. Các bài luyện tập phát hiện, phân biệt âm thanh lời nói, luyện KN nghe cần được ưu tiên thực hiện.

- *Phát triển vốn từ.* Làm gia tăng vốn từ vựng là một thành phần quan trọng của sự phát triển tổng thể của đứa trẻ và là yếu tố quan trọng cho phát triển KNGT và học tập sau này. Sự gia tăng vốn từ của đứa trẻ có ảnh hưởng không chỉ bởi hệ thống giác quan và nhận thức mà còn ở kinh nghiệm của trẻ, ngôn ngữ đầu vào, và những ảnh hưởng văn hóa xã hội bao quanh đứa trẻ.

Chương trình hỗ trợ trẻ về vốn từ và lời nói cần tập trung tiến hành theo 3 hướng sau: + Phát triển vốn từ về chiều rộng trên cơ sở cho trẻ làm quen với phạm vi ngày càng mở rộng, các sự vật hiện tượng của thế giới xung quanh; + Phát triển vốn từ về chiều sâu trên cơ sở cho trẻ làm quen với đặc điểm, tính chất, công dụng của sự vật hiện tượng; + Phát triển vốn từ tổng hợp, khái quát, khái niệm.

Cho trẻ tiếp cận với nhiều lĩnh vực nhận thức, hướng dẫn để trẻ tự khám phá thế giới xung quanh, tự phát hiện những sự vật, hiện tượng, tìm ra các mối quan hệ giữa chúng, biểu đạt những suy nghĩ, những khái niệm bằng từ ngữ là một trong những yếu tố quan trọng làm giàu vốn từ của trẻ. Đặc biệt, chương trình hỗ trợ giúp trẻ hiểu nghĩa của từ, sử dụng đa dạng từ loại (ví dụ, danh từ, trạng từ, quan hệ từ...) nhằm giảm thiểu rào cản trong phát triển KNGT và ngôn ngữ của trẻ.

- *Hiểu nghĩa của từ, nghĩa của mẫu câu giao tiếp.* Trẻ em học cách nói đúng từ, đúng ngữ pháp bằng con đường tự nhiên, bắt chước ngôn ngữ của người xung quanh và thực hành ngôn ngữ. Vì vậy, chương trình hỗ trợ đánh giá lĩnh vực ngữ pháp có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về sự phát triển ngôn ngữ chung của trẻ, giúp trẻ CPTNN hiểu nghĩa của từ, của mẫu câu giao tiếp. Khi trẻ em thêm động từ, tính từ, danh từ... vào lời nói, trẻ cũng thường bắt đầu hình thành câu.

Đối với trẻ CPTNN, việc sử dụng động từ và câu có chủ ngữ và vị ngữ có thể ít xuất hiện. Việc tạo điều kiện cho trẻ học và sử dụng cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt thường xuyên là một trong những yêu cầu quan trọng để giảm thiểu những rào cản trong việc tiếp nhận và biểu đạt bằng ngôn ngữ.

- *Rèn luyện cơ quan phát âm và tăng cường phát triển âm thanh lời nói.* Sự thiếu hụt hoặc ít phối hợp hoạt động của hệ thống cơ quan vận động phát âm như: môi, lưỡi, răng,... sẽ gây ra những khó khăn trong biểu đạt ngôn ngữ (Nobrega, Borion, Henrot, & Saliba, 2004).

Carson, Klee, Carson, và Hime (2003) cũng cho rằng, nếu ngôn ngữ của trẻ ở độ tuổi trước mà chưa phát triển kịp như những trẻ bình thường khác thì có nguy cơ cao chậm trễ trong ngôn ngữ nói ở giai đoạn sau. Đặc biệt, những trẻ này cơ quan phát âm không hoàn chỉnh thì vốn từ vựng biểu cảm sẽ bị hạn chế.

Trong chương trình can thiệp khi người lớn tạo cơ hội để trẻ được rèn luyện cơ quan phát âm, luyện trẻ phát âm đúng, dạy trẻ nói đúng chính âm và thanh điệu, hình thành nhịp độ và đặc tính giọng nói, nói diễn cảm... Điều này không chỉ cung cấp thông tin về mức độ chức năng ngôn ngữ hiện tại của đứa trẻ mà còn có thể dự đoán khả năng tương lai của trẻ trong việc phát ra tiếng nói và ngôn ngữ.

Trong quá trình tổ chức hỗ trợ trẻ, tất cả các thành phần trên đảm bảo có được phát triển và tăng theo thời gian, và nếu sự phát triển này không theo quy luật, GV sẽ có những hoạt động cụ thể để đảm bảo trẻ vượt qua sự trì trệ này.

- *Đa dạng các phương tiện giao tiếp.* Trong quá trình giao tiếp, ngoài ngôn ngữ nói ra thì phi ngôn ngữ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện ngôn ngữ của trẻ. Do đó, với tốc độ chậm của giao tiếp có thể là một chỉ báo về CPTNN. Các nghiên cứu đã chứng minh: giữa việc sử dụng các phương tiện giao tiếp (ví dụ như, ánh mắt, cử chỉ, các âm thanh, lời nói) và kỹ năng ngôn ngữ sau này ở trẻ em CPTNN (McCathren, Yoder, & Warren, 2000) cũng như những người có rối loạn phổ tự kỉ (Zwaigenbaum, Bryson, & Rogers, 2005) có mối quan hệ với nhau. Ngoài ra, ở những trẻ được xác định là CPTNN, sử dụng cử chỉ để giúp trẻ "bắt kịp" giao tiếp với các bạn đồng trang lứa. Vì vậy, chương trình hỗ trợ trẻ cần sử dụng đa dạng các loại hình giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để trẻ có thể hiểu và tự mình tham gia vào quá trình giao tiếp thuận lợi nhất. Trong công tác CS-GD trẻ CPTNN, luôn tạo các tình huống khuyến khích trẻ sử dụng các phương tiện giao tiếp để tương tác theo cả hai hướng "lôi kéo" hoặc bắt buộc trẻ phải thể hiện nhu cầu của bản thân.

- *Tăng cường sự tự tin, thoải mái trong giao tiếp.* Các nghiên cứu của Guralnick (2005) cho thấy sự phát triển tình cảm xã hội có tầm quan trọng trong phát triển ngôn ngữ. Đặc biệt mối quan hệ giữa cha

mẹ trẻ, giữa GV và học sinh, giữa trẻ với nhau là yếu tố quan trọng trong phát triển ngôn ngữ của trẻ. Vì vậy, khi chương trình hỗ trợ trẻ biết khai thác, tận dụng các mối quan hệ này để tổ chức các hoạt động sẽ kích thích sự hứng thú, tạo sự thoải mái, tự tin cho trẻ trong các cuộc giao tiếp, từ đó sẽ rất thuận lợi để phát triển các KNGT cho trẻ.

### **3.4. Môi trường giao tiếp phong phú, đa dạng:**

- *Môi trường lớp học, nhóm bạn bè:* + *Môi trường lớp học bao gồm:* Các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ tốt cho việc dạy học và giáo dục; nề nếp trong lớp học và nề nếp tổ chức hoạt động; thái độ, mối quan hệ, cách ứng xử giao tiếp của các thành viên trong lớp học; các quy định của lớp... Nếu có môi trường lớp học đáp ứng đầy đủ các điều kiện sẽ giúp trẻ CPTNN khắc phục hạn chế và phát huy tốt nhất khả năng giao tiếp của trẻ. Một môi trường tốt sẽ giúp trẻ hòa nhập nhanh hơn, tự tin hơn, hứng thú tham gia vào các hoạt động tập thể, từ đó tính độc lập, chủ động sáng tạo của trẻ cũng phát triển, giao tiếp của trẻ trong môi trường đó được tăng cường, trẻ tự tin trong giao tiếp, các KNGT phát triển tốt hơn; + *Nhóm bạn bè:* Giai đoạn mẫu giáo, đặc biệt trẻ mẫu giáo lớn, mối quan hệ bạn bè đã có bước phát triển về chất. Trẻ mẫu giáo lớn (5-6 tuổi) vốn kinh nghiệm phong phú nên trẻ đã chơi các trò chơi phức tạp hơn, tái hiện lại được những gì trẻ quan sát được ở cuộc sống hàng ngày. Trong quá trình chơi trẻ đã biết chơi cùng bạn, kết nối với nhau, cùng nhau xây dựng nên một xã hội thu nhỏ - xã hội trẻ em. Để giải quyết các tình huống chơi, trẻ sẽ phải sử dụng ngôn ngữ để trình bày, để thuyết phục hoặc nêu các đề nghị hay giải quyết xung đột... từ đó trẻ được vui chơi, được học tập và khẳng định bản thân, trẻ học được cách làm người và hình thành nhân cách cá nhân.

Như vậy, trong khi chơi với bạn, hòa đồng cùng các bạn, trẻ CPTNN được giao tiếp, học được cách sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể để giao tiếp với nhau cho phù hợp, trẻ học được cách ứng xử giao tiếp văn hóa với bạn, với những người xung quanh... Khi chơi với bạn, trẻ CPTNN học được cách lắng nghe nhau và cùng nhau giải quyết các tình huống chơi, học được cách chờ đợi cũng như chủ động giao tiếp, trẻ chủ động, mạnh dạn, tự tin hơn khi giao tiếp. Giao tiếp trong nhóm bạn bè kích thích trẻ CPTNN hứng thú, nâng cao nhu cầu giao tiếp của trẻ. Chơi nhiều, giao tiếp nhiều với bạn vốn từ càng tăng, trẻ học được từ bạn rất nhiều KNGT, từ đó giúp trẻ CPTNN diễn đạt rõ ràng mạch lạc hơn, sử dụng ngôn ngữ phù hợp trong từng hoàn cảnh, làm giàu kinh nghiệm giao tiếp, hình thành và phát triển các KNGT.

- *Môi trường bên ngoài lớp học.* Môi trường ngoài lớp học là yếu tố góp phần tích cực trong các hoạt động nâng cao chất lượng CS-GD toàn diện trẻ. Nhiều trường mầm non đã tập trung xây dựng môi trường giáo dục ngoài lớp học an toàn, đẹp, hấp dẫn

trẻ. Các nhà trường đã quan tâm đến diện tích đất trong nhà trường, diện tích sân vườn và diện tích các khu vực hỗ trợ cho hoạt động ngoài trời của trẻ. Có diện tích đất đủ rộng, nhà trường có thể bố trí các khu vực cho trẻ hoạt động vui chơi, sinh hoạt, học tập ngoài trời một cách khoa học và phù hợp, qua đó giáo dục phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ. Nếu như trường mầm non xây dựng được môi trường ngoài lớp học có diện tích sân tập thể dục cho trẻ toàn trường và khu chơi thể thao (cột bóng rổ, thang leo, sân chơi bóng đá mini...); khu vực chơi với đồ chơi ngoài trời (cầu trượt, đu quay, đu bay, bập bênh, nhà bóng...); khu vực chơi "giao thông"; khu vực chơi với đất, cát, nước, đá, sỏi...; khu vực trẻ trồng rau, trồng cây và chăm sóc cây cối, con vật nuôi; khu chơi với các nhân vật cổ tích, hay còn gọi là "vườn cổ tích"; khu "sân khấu ngoài trời", khu trồng cỏ, trồng hoa, trồng cây cảnh, cây ăn quả, cây bóng mát trên sân trường; khu tạo sân cỏ... thì sẽ kích thích hứng thú và tích tích cực hoạt động, giao lưu giao tiếp cho trẻ cực kì hiệu quả.

Nếu trường nào không đủ điều kiện xây dựng môi trường bên ngoài lớp học thì có thể phối hợp với phụ huynh tổ chức các hoạt động trải nghiệm tự nhiên cho trẻ được tham gia, bằng cách tận dụng các nguồn nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương để trẻ khám phá, đặc biệt là nguồn nguyên liệu tự nhiên và phế liệu. Cần đa dạng, phong phú, kích thích sự phát triển của trẻ qua các trang thiết bị ngoài trời; kích thích giao lưu và các vận động khác nhau của trẻ.

Tóm lại, môi trường giáo dục bên ngoài lớp học phải thực sự an toàn và có tính thẩm mỹ cao. Ngoài ra, môi trường giáo dục cũng cần tạo cho trẻ cảm giác an toàn về mặt tâm lí: được yêu thương, được tôn trọng và đáp ứng các nhu cầu chính đáng thì sẽ là một trong những yếu tố góp phần phát triển KNGT cho trẻ mầm non nói chung và trẻ mẫu giáo lớn CPTNN nói riêng.

- *Môi trường xã hội.* Bất kì một cá nhân nào, để hình thành và phát triển nhân cách đều phải được sống trong môi trường xã hội. Bắt đầu từ môi trường gia đình, sau đó là nhà trường và rộng ra cộng đồng dân cư nơi đứa trẻ sống. Môi trường xã hội đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với trẻ, môi trường đó không những nuôi dưỡng về thể chất mà còn nuôi dưỡng tâm hồn trẻ, giáo dục phát triển các KN trong đó có KNGT để hình thành nên phẩm chất nhân cách tốt đẹp cho trẻ. Những người sống xung quanh trẻ không chỉ làm nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc mà họ còn dạy trẻ có những kiến thức về thế giới xung quanh, dạy cho trẻ các KN tương ứng và dạy cả về văn hóa, lối sống cho trẻ. Những chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ, những quy tắc trong các hành vi ứng xử văn hóa trẻ đều được học từ những người sống xung quanh. Cá tính cá nhân, lòng nhân ái, tình yêu thương... của trẻ được hình thành cũng chịu ảnh hưởng chủ yếu từ

trong những thành viên gia đình và từ môi trường xã hội đó.

Môi trường xã hội đặc biệt được nhấn mạnh ở đây và cần chú ý là môi trường giao tiếp trong trường mầm non, bao gồm sự giao tiếp giữa cô và trẻ, giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh. Môi trường này vừa mang tính chất sư phạm, vừa mang tính chất gia đình. Môi trường này vô cùng quan trọng để giáo dục và hình thành KNGT cho trẻ CPTNN.

Mặt khác, môi trường xã hội còn nói đến môi trường bên ngoài bao gồm môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội... nếu môi trường xã hội tốt thì các nhân tố cấu thành sẽ hỗ trợ cho nhau, hỗ trợ nhau tạo nên nền tảng tốt cho trẻ có được các cơ hội đi học, hưởng đầy đủ các quyền được sinh ra và lớn lên, được chăm sóc - giáo dục, được yêu thương... Tất cả đó là yếu tố vô cùng quan trọng góp phần nâng cao chất lượng CS-GD trẻ nói chung và giáo dục phát triển KNGT cho trẻ CPTNN nói riêng.

Tóm lại, một môi trường giao tiếp phong phú, đa dạng là môi trường trong đó trẻ được khuyến khích nói, giao tiếp một cách tự do, nơi người lớn nhận thức được việc sử dụng mọi cơ hội để phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Trong môi trường đó, KNGT của trẻ phát triển tốt hay không phụ thuộc vào cả yếu tố chủ quan và khách quan. Trong đó vai trò của phụ huynh và GV là yếu tố quyết định, đây là hai yếu tố có thể có những kế hoạch giáo dục phù hợp và các biện pháp tác động làm chuyển biến nhanh chóng các yếu tố khác trong đó đặc biệt là trẻ.

#### 4. Kết luận

Các KNGT là một lĩnh vực phát triển rất quan trọng đối với trẻ nhỏ. Trong hệ thống nhà trường mầm non công lập hiện nay, GV mầm non cũng chỉ dạy trẻ giao tiếp, phát triển ngôn ngữ một cách chung chung mà chưa chú ý giáo dục các KN cũng như hướng dẫn trẻ cách phối hợp các KNGT để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt trẻ CPTNN hầu như chưa được quan tâm. Vì vậy, việc hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển KNGT để xây dựng những biện pháp, cách làm giúp GV, cha mẹ rèn luyện các KNGT cho trẻ CPTNN là việc làm vô cùng cần thiết. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Thị Anh (chủ biên) - Đỗ Thị Châu - Nguyễn Thạc (2007). *Hoạt động - Giao tiếp - Nhân cách*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Leonchiev A.N (1989). *Hoạt động - Giao tiếp - Nhân cách*. NXB Giáo dục.
- [3] Leonchiev A.N (1978). *Sự phát triển tâm lí trẻ em*. Trường Sư phạm mẫu giáo Trung ương 3.
- [4] Levitov N.D. (1962). *Tâm lí học trẻ em và tâm lí học sư phạm*. NXB Giáo dục.
- [5] Linda Maget. (2009). *Nâng cao khả năng giao tiếp cho trẻ*. NXB Hồng Đức.